

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2017/ HNST**

Ngày: 18/9/2017

Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chất*

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Hào

2. Bà Nguyễn Thị Mùa

- **Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương** – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXX-ST ngày 16/8/2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T*, sinh năm 1974

* *Bị đơn: Ông Vũ Văn N*, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị T, ông Vũ Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P cũ (nay là huyện M), tỉnh Bình Phước vào ngày 04/02/1993. Trong quá trình chung sống bà T, ông N sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên nhậu say và đánh đập bà T, ông, bà đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà T, ông N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T, ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Vũ Văn N trú tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào Điều 51 luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Vũ Văn N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông N nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống ông N hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên nhậu say và đánh đập bà T, ông, bà đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện bà T yêu cầu được nuôi con chung là cháu Vũ Văn B, sinh năm 2002 và tự thỏa thuận về phần cấp dưỡng nuôi chung, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T xin rút một phần đơn khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện và tự định đoạt của đương sự đúng với quy định của pháp luật nên cần đình chỉ không giải quyết đối với phần con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: bà T, ông N tự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về nợ chung: bà T, ông N tự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí: bà T phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 176; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Đình chỉ giải quyết đối với phần con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Vũ Văn N.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: bà T phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018881 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- CC THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Chất